

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/DS-ST

Ngày: 29 - 11- 2023

V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thế.
- Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 328/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty J; Địa chỉ: 72-74 đường K, phường V, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hồng T, sinh năm: 1991, chức vụ: Nhân viên của Công ty J là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2023).

- Bị đơn: Ông Võ Ngọc A, sinh năm 1963; HKTT: Số 262, ấp A, xã MB, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: Số 468, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2023 của nguyên đơn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Lê Hồng T là đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên vào ngày 26/8/2022, ông Võ Ngọc A ký hợp đồng số 930160003065155000 với Công ty J (gọi tắt là công ty J) để vay số tiền là 40.000.000 đồng. Phương thức trả góp

hàng tháng, lãi suất 3,8700%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Việc vay không có thế chấp tài sản. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông A có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng ông A phải thanh toán cho Công ty J số tiền là 2.600.671 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối cùng hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 30/9/2022. Từ ngày 30/9/2022 đến ngày 30/06/2023, ông A thanh toán được cho Công ty J số tiền là 23.413.150 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 30/06/2023 đến nay, ông A không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh, mặc dù Công ty J đã nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà yêu cầu ông A thanh toán. Việc ông A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3; Điều 8 của hợp đồng số 930160003065155000 ngày 26/8/2022 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty J.

Nay Công ty J yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Ngọc A phải thanh toán toàn bộ khoản vay gốc còn nợ là 29.117.673 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và khoản phí tính đến ngày 29/11/2023 là 7.230.414 đồng, tổng số tiền là: 36.348.087đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng) và yêu cầu tính lãi tiếp tục theo hợp đồng tín dụng số 930160003065155000 ký ngày 26/8/2022 từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ. Do ông A đã vi phạm hợp đồng nên phía Công ty J không đồng ý việc trả dần hàng tháng với số tiền là 2.601.000 đồng như yêu cầu của ông A.

- *Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn ông Võ Ngọc A trình bày:* Ông Võ Ngọc A thừa nhận vào 26/8/2022, ông A ký hợp đồng số 930160003065155000 với Công ty J vay tiền là 40.000.000 đồng. Phương thức trả góp hàng tháng, lãi suất 3,8700%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Việc vay không có thế chấp tài sản. Ông A đã nhận đủ số tiền vốn vay và có trả lại cho Công ty J đến ngày 30/06/2023 với số tiền là 23.413.150 đồng, sau đó vì làm ăn thất bại nên không trả tiếp được cho Công ty J. Hiện nay ông A còn nợ Công ty J số tiền vốn gốc 35.722.967 đồng và lãi cùng lãi quá hạn. Nay Công ty yêu cầu ông A thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty J với số tiền vay gốc là 29.117.673 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và khoản phí tính đến ngày 29/11/2023 là 7.230.414 đồng, tổng số tiền là: 36.348.087đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng) và yêu cầu tính lãi tiếp tục theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi hết nợ thì ông A đồng ý trả theo như yêu cầu của Công ty J. Tuy nhiên, ông A yêu cầu tiếp tục trả mỗi tháng 2.601.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, còn trả một lần thì không có khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lập Vò nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ và tiền lãi nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của Công ty J, thấy: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ông Lê Hồng Thái và ông Võ Ngọc A cùng xác định vào ngày 26/8/2022, ông Võ Ngọc A có ký hợp đồng với số hiệu 930160003065155000 với Công ty J để vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 3,87%/tháng, mục đích vay để mua xe máy. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông A có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi trong thời hạn 24 tháng, vốn lãi chia đều cụ thể mỗi tháng trả 2.600.671 đồng, tháng cuối cùng vào ngày 03/9/2024 số tiền trả là 2.762.464 đồng. Ông A trả tiền cho Công ty J đến ngày 30/6/2023 thì ngưng không thực hiện việc trả nợ cho Công ty J. Số tiền vay gốc mà ông A còn nợ Công ty J là 29.117.673 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Như vậy, mặc dù số tiền nợ theo hợp đồng đến ngày 03/9/2024 mới kết thúc nhưng do ông A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Công ty J khởi kiện yêu cầu ông A phải có nghĩa vụ trả số nợ còn lại theo hợp đồng nêu trên là có căn cứ, phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của Công ty J và buộc ông A phải trả cho Công ty J số tiền còn nợ gốc là 29.117.673 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và khoản phí tính đến ngày 29/11/2023 là 7.230.414 đồng, tổng số tiền là: 36.348.087đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng).

[3] Việc Công ty J yêu cầu ông A có nghĩa vụ trả tiền lãi quá hạn tiếp tục kể từ ngày 30/11/2023 cho đến khi ông A trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với Điều 1 của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Tại án lệ số 08/2016/AL quy định: *Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*”. Do

đó, yêu cầu tính lãi quá hạn tiếp tục của Công ty J là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của ông Võ Ngọc A xin trả dần cho Công ty J mỗi tháng 2.601.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ. Xét thấy yêu cầu này của ông A, phía Công ty J không đồng ý và không phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông A phải chịu toàn bộ số tiền án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông A sinh ngày 01/01/1963 đã đủ 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 miễn án phí cho ông A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 108 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí. Án lệ số 08/2016/AL.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty J.

1.1. Buộc ông Võ Ngọc A phải có nghĩa vụ trả cho Công ty J số tiền vay gốc còn nợ là 29.117.673 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và khoản phí tính đến ngày 29/11/2023 là 7.230.414 đồng, tổng cộng là 36.348.087đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng).

1.2. Kể từ ngày 30/11/2023, ông Võ Ngọc A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký số 930160003065155000 ngày 26/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Võ Ngọc A được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Công ty J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 835.000đ (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003885 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội